

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 09-01-2020

V/v tranh chấp chia thừa kế quyền
sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại và bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2010/TLST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2010 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1957;

1.2/ Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1965;

1.3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.4/ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Nguyễn Tiết C, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.2/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1973.

3.3/ Ông Nguyễn Ngọc Q (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

3.3.1/ Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1973.

3.3.2/ Cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 2005.

3.3.3/ Cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 2017.

Bà Nguyễn Thúy H là người đại diện theo pháp luật của cháu L và cháu N).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3.4/ Cháu Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 2000.

3.3.5/ Cháu Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của cháu L là bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1978.

3.4/ Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1978;

3.5/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6/ Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S – Chủ tịch.

3.7/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1964.

3.8/ Bà Lê Thị P, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.9/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969;

3.10/ Ông Đỗ Thanh H, sinh năm: 1962;

3.11/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.12/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1959;

3.13/ Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1976;

3.14/ Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1980;

3.15/ Ông Lê Văn T, sinh năm: 1982;

3.16/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.17/ Tổ hợp tác số 3 – xã P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.18/ Ông Trần Văn H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Y, bà P có mặt.

Bà D, bà H, ông C, bà H, ông V, ông L, ông T, ông Nguyễn Thành T, ông T, ông K, ông P, ông H, ông Q, Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày: Yêu cầu chia thừa kế đối với di sản do cha mẹ để lại. Cụ thể: Cha bà là ông Nguyễn Văn N (chết năm 2005), mẹ bà là bà Trần Thị S (chết năm 2008), cha mẹ bà có 10 người con là: Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Tiết C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc Q (chết năm 2019), Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng V. Cha mẹ bà có các tài sản sau:

+ Thửa 98, tờ bản đồ số 4 diện tích 100m² (ông T đang sử dụng, bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Lý do vì trước đây gia đình bà đòi thửa 98 cho ông T để lấy phần đất đang cất nhà hiện nay sử dụng.

+ Thửa 1199, tờ bản đồ số 4 diện tích 5.292m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 5.558m²).

+ Thửa 2558, tờ bản đồ số 4 diện tích theo đo đạc thực tế là 3.547 m².

+ Thửa 1102, tờ bản đồ số 4 diện tích 3.806m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 3.801m²).

+ Thửa 1100, tờ bản đồ số 4 diện tích 3.152m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 3.561m²).

+ Thửa 349, tờ bản đồ số 4 diện tích 320m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 824m²).

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2006, toàn bộ các thửa đất chuyển quyền sang tên cho bà D chỉ để thuận tiện trong việc giao dịch với chính quyền, thực tế không phải thuộc sở hữu riêng của bà D. Vì vậy bà Y khởi kiện yêu cầu:

1/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà D đứng tên để chia thừa kế các thửa đất trên theo quy định pháp luật.

2/ Yêu cầu bà D trả cho bà tiền sử dụng phần đất diện tích 4.000m² gia đình đã thỏa thuận giao cho bà để trừ nợ, thời gian từ năm 2010 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, mỗi năm là 5.000.000đ.

3/ Yêu cầu giao 4.000m² đất để trừ số tiền, vàng trước đây cha mẹ còn nợ là 29,5 chỉ vàng 24K và 18.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Y chỉ yêu cầu giao diện tích đất tương đương với số nợ 29,5 chỉ vàng 24K và 18.000.000đ; đồng thời yêu cầu chia thừa kế diện tích đất thuộc các thửa 1100, 1102, 1199, 2558 (sau khi trừ phần diện tích giao cho bà để trừ nợ) theo quy định pháp luật. Đối với việc yêu cầu bà D trả tiền sử dụng đất bà xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với những di sản còn lại của ông N, bà S sau này nếu cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Yêu cầu chia toàn bộ tài sản do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà P thống nhất theo ý kiến bà Y. Cụ thể, thống nhất giao diện tích đất tương đương với số nợ 29,5 chỉ vàng 24K và 18.000.000đ; đồng thời chia thừa kế diện tích đất thuộc các thửa 1100, 1102, 1199, 2558, tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (sau khi trừ phần diện tích giao cho bà Y để trừ nợ) theo quy định pháp luật.

Đối với những di sản còn lại của ông N, bà S sau này nếu cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Bích T vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện bà H, bà T yêu cầu chia toàn bộ tài sản do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật.

Theo tờ tường trình bày 29/11/2019 bà H, bà T trình bày: Đối với căn nhà, phần đất bà Y đang sử dụng, phần đất ông T đang sử dụng thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 4 và thửa 349, tờ bản đồ số 4 không yêu cầu phân chia. Thống nhất giao diện tích đất 4.000m² đất trồng lúa cho bà Y để trừ nợ như thỏa thuận trước đây, phần diện tích còn lại thuộc các thửa 1100, 1102, 1199, 2558, tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (sau khi trừ phần diện tích giao cho bà Y để trừ nợ) yêu cầu phân chia theo quy định pháp luật.

Đối với những di sản còn lại của ông N, bà S sau này nếu cần thiết sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích D vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 540) bà D trình bày: Hiện nay, bà không yêu cầu phân chia gì cả. Tùy anh T (ông C) phân chia thế nào thì phân chia. Về giá đất bà Y đưa ra, bà không có ý kiến gì về phần giá đất.

Mọi việc tranh chấp hiện nay tùy bà Y và ông C quyết định, bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Đối với việc bà Y cho rằng trước đây ông N, bà S nợ 29,5 lượng vàng 24K và 18.000.000đ thì bà không biết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019 (Bút lục 685) bà D trình bày: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có thể chấp ngân hàng. Về việc phân chia di sản thừa kế bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì, tùy bà Y với ông C quyết định. Đối với phần đất ông T đang quản lý, sử dụng; cũng như đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông L hiện nay bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì, tùy ông C và bà Y quyết định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiết C vắng mặt.

Theo đơn từ chối nhận di sản ngày 10/5/2013 (Bút lục 176) ông C trình bày: Đối với phần đất trồng lúa khoảng 15 công thì tùy pháp luật xem xét, ông từ chối nhận. Ngoài ra, phần đất này là công sức của các anh em trai và bà D, do đó ông có ý kiến đề nghị chia ra làm 05 phần, bà D, ông T, ông Q, ông V, ông T mỗi người được thừa hưởng một phần. Đối với tài sản khác thì thống nhất chia là 09 phần mỗi người được hưởng một phần bằng nhau, phần ông từ chối nhận.

Theo tờ tường trình ngày 07/12/2015 (Bút lục 229), ông C trình bày: yêu cầu bà D phải trả lại phần đất trồng lúa diện tích 12.598m² do bà D đứng tên.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2018 (Bút lục 377), ông C trình bày: Ông xác định đất ruộng là của các anh em trai, nên không đồng ý phân chia. Về phần tiền tạm ứng án phí ông không nộp, ai có yêu cầu phân chia thì người đó nộp. Ngoài ra, theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông C có ý kiến khi mở phiên tòa xét xử ông sẽ có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Q (đã chết). Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Q là các cháu Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị Huỳnh L (là các con của ông Q và bà Y); Cháu Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim N (là các con của ông Q và bà H) vắng mặt.

+ Đối với cháu L và cháu L có đơn yêu cầu được nhận giá trị tài sản mà ông Q được thừa hưởng. Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, tuy nhiên hết thời hạn mà bà Y không nộp.

+ Theo biên bản lấy lời khai (Bút lục 575) cũng như đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 591) bà H (là người đại diện theo pháp luật của cháu L và cháu N) yêu cầu được chia thừa kế là căn nhà đang ở theo đúng như ý kiến ông Q lúc còn sống. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2019 bà H không yêu cầu phân chia gì. Sau này nếu cần thiết thì giữa bà với các anh chị em của ông Q sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai (Bút lục 544) ông T trình bày: Thống nhất theo ý kiến bà D, phần ông hiện không yêu cầu phân chia. Đối với các phần đất trồng

lúa là công sức của ông C nên việc phân chia thế nào là do ông C quyết định. Đối với các phần đất ở là di sản do cha mẹ để lại.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 373) ông V trình bày: Hiện nay ông không có yêu cầu phân chia di sản của cha mẹ để lại. Đối với những anh chị em nào có yêu cầu phân chia di sản thì đề nghị Tòa án cứ phân chia theo quy định pháp luật. Phần di sản còn lại thì giữ cho những người không có yêu cầu để sử dụng chung (khi ai nghèo khổ). Đối với khoản nợ bà Y thì ông không biết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2019 (bút lục 684) ông T trình bày: Hiện nay ai có yêu cầu phân chia thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với phần tài sản còn lại sau này giữa các anh chị em sẽ tự thỏa thuận phân chia sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị P vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 379) ông L trình bày: Mọi vấn đề có liên quan đến phần đất 5.000m² tại xã P (phần đất nhận chuyển nhượng của bà D) ông thống nhất theo ý kiến của em ông là Nguyễn Văn T. Ngoài ra, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai (Bút lục 381) ông L trình bày: Thống nhất điều chỉnh lại vị trí đất đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Sau này, khi gia đình bà D giải quyết tranh chấp với nhau xong, nếu cần thiết giữa ông với gia đình bà D sẽ thỏa thuận với nhau sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2019, ông T trình bày: Đồng ý nhận phần đất đúng vị trí đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, khi gia đình bà D giải quyết tranh chấp với nhau xong, nếu cần thiết giữa ông với gia đình bà D sẽ thỏa thuận với nhau sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Thị D vắng mặt.

Theo đơn đề nghị ngày 22/9/2018 (Bút lục 488) ông Đỗ Thanh H trình bày: Trước đây ông có mảnh đất thổ cư dài từ lộ đến bờ kênh Đồng Tiến, ngang 10m, do làm lộ đất của bà D bị dính lộ nên dồn tới nhà của ông T. Sau đó ông T nói với ông lấy nền đổi cho bà D (diện tích đất là ngang 06m). Ông đồng ý đổi diện tích đất ngang 06m phần đất còn lại là của ông. Ông có nói với bà D là phần đất còn lại ông bán cho bà 10.000.000đ nhưng bà không chấp nhận nên ông không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D. Sau khi đổi gia đình ông đi

làm ăn xa, không có mặt ở nhà. Nay ông thống nhất phần đất đổi 06m, phần diện tích còn lại là của ông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T vắng mặt.

Theo tờ tường trình (Bút lục 518) ông T trình bày: Bà D là em ruột của ông, ông H là chồng bà D. Trước đây ông H và bà D có đất cặp ranh với đất ông (cũng là phần đất hiện nay gia đình bà Y đang sử dụng). Tuy nhiên sau đó thì ông H, bà D chuyển nhượng cho ông N (cha bà Y), chuyển nhượng thời gian nào lâu quá không nhớ. Giá chuyển nhượng khoảng 5-6 chỉ vàng 24K.

Khi ông N nhận chuyển nhượng đất của ông H thì ông N có cho ông hay. Thời điểm đó ông N có một miếng đất phía trước đất của ông, lúc đó ông với ông N thống nhất là ông mua miếng đất của ông N (đất mặt tiền) với giá 03 chỉ vàng để ông N bù tiền thêm mua miếng đất của ông H, bà D. Sau khi chuyển nhượng thì ông H, bà D không còn phần đất nào tại khu vực này. Ông N, bà S cất nhà ở cho đến nay không có ai tranh chấp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh P vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 594) ông P trình bày: Ông có thuê 8.000m² đất ruộng, ông C cho thuê và ông trả tiền từng vụ. Nếu Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông sẽ trả lại và không yêu cầu bất cứ khoản tiền bồi thường nào cả.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 725) ông H trình bày: Ông có thuê 7.500m² đất từ bà D, thời hạn thuê là một năm. Hiện nay, Tòa án giải quyết thế nào ông sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án. Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông với bà D, sau này nếu cần thiết giữa ông với bà D sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông Q, ông T, bà L không có ý kiến hoặc yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tổ hợp tác số 3 – xã P do ông Huỳnh Văn K làm đại diện theo pháp luật vắng mặt.

Theo đơn xin vắng mặt giải quyết, xét xử vắng mặt (Bút lục 596) ông K trình bày: Thống nhất đường cộ của Tổ hợp tác số 3 chiều ngang giáp đường ĐT 843 là 05m, chiều ngang giáp đất ông H là 06m. Đối với phần nhà ông Q phạm qua đất đường cộ, sau này nếu cần thiết Tổ hợp tác sẽ yêu cầu sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T vắng mặt.

Theo đơn đề nghị vắng mặt trong vụ án dân sự Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến như sau: Ngoài những tài liệu, chứng cứ và các văn bản ghi ý kiến đã

cung cấp cho Tòa án, đến nay Ủy ban nhân dân huyện không có ý kiến khác, không cung cấp gì thêm và đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án các cấp.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Riêng một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, Thẩm phán chưa thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y đối với bà Nguyễn Thị Bích D.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, nhân chứng, xem xét thẩm định, định giá đối với phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Y, bà P, bà T, bà H tranh chấp chia thừa kế phần đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế các thửa đất 1100, 1102, 1199, 2558 tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[3] Về nguồn gốc đất: Theo các nguyên đơn trình bày các thửa 1100, 1102, 1199 hiện nay bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên nguồn gốc đất là của ông N, bà S. Bà D là người đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất tuy nhiên hiện nay bà D không có tranh chấp và có ý kiến là tùy ông C, bà Y quyết định.

Ông C thì cho rằng đất là công sức của các anh em trai và bà D nên không đồng ý phân chia. Lời trình bày của ông C là không có cơ sở chấp nhận vì ông không có chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, theo Công văn số: 792/UBND-NC ngày 14/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Bích D theo nội dung thừa kế trong trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất là người duy nhất là không đúng với quy định pháp luật. Vì tài sản thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình. Ngoài ra, theo biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2009 thì bà D, ông T, ông Q, ông T xác định nguồn gốc đất là do cha mẹ để lại. Do đó, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc các thửa đất mà các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là di sản do ông N, bà S để lại.

Đối với thửa 2558, tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo Công văn số 129/UBND-NC ngày 25/02/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T thì thửa đất phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp. Mặt khác, thửa đất này khi còn sống ông N, bà S cũng trực tiếp canh tác. Do đó, có đủ cơ sở xác định thửa đất số 2558, tờ bản đồ số 4 cũng là di sản do ông N, bà S để lại.

[4] Về việc các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật: Ông N chết năm 2005, bà S chết năm 2008, ông N và bà S chết không để lại di chúc. Do đó, việc các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hàng thừa kế: 11 người con gồm Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Tiết C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc Q (chết), Nguyễn Văn T (chết), Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Văn G thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N, bà S. Trong đó ông Nguyễn Văn G đã chết không có vợ con, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông N, bà S còn lại 10 người. Đối với ông Q trước đây có hai lần cưới vợ và đều không có đăng ký kết hôn, do đó các con của ông Q là L, L, L, N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Q.

Hiện nay, chỉ bà Y, bà P, bà H, bà T yêu cầu chia thừa kế, những người còn lại không yêu cầu phân chia, đề nghị giữ lại để sử dụng chung; vì vậy chỉ xem xét đối với yêu cầu của các nguyên đơn. Đối với L, L là các con của bà Y với ông Q có yêu cầu, Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí tuy nhiên quá thời hạn nhưng không nộp nên không được xem xét, sau này khi có yêu cầu sẽ được giải quyết sau.

[6] Về thực hiện nghĩa vụ do ông N, bà S để lại: Theo bà Y trình bày trước đây bà có cho ông N, bà S mượn nhiều lần, tổng cộng là 29,5 chỉ vàng 24K và 18.000.000đ, nay bà Y yêu cầu giao diện tích tương đương với số nợ. Các người em của bà Y xác định không biết về khoản nợ này, riêng bà T, bà P, bà H xác nhận là có nợ và đồng ý giao 4.000m² cho bà Y để trừ nợ như thỏa thuận trước

đây. Mặt khác, ông N, ông D là chủ của các đương sự cũng xác định trước đây có hợp mặt gia đình để bàn bạc về số tiền nợ bà Y. Vì vậy, yêu cầu của bà Y là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, tại phiên tòa bà Y thống nhất giá vàng là $4.200.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 29,5 \text{ chỉ vàng } 24\text{K} = 123.900.000\text{đ} + 18.000.000\text{đ} = 141.900.000\text{đ}$, giá đất theo định giá là $37.000\text{đ}/\text{m}^2$; như vậy số nợ $141.900.000\text{đ}$ tương đương với 3.835m^2 . Đồng thời, tại phiên tòa bà Y đề nghị giao phần đất thuộc các thửa 1199, 2558, tờ bản đồ số 4 (đất phía sau nghĩa trang Liệt sỹ) như ý nguyện của mẹ bà trước đây. Xét thấy yêu cầu này của bà Y là phù hợp, thuận tiện cho quá trình sử dụng sau này nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về việc chia di sản thừa kế:

Các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 1100, 1102, 1199, 2558, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đối với các thửa đất còn lại hiện nay không yêu cầu, sau này nếu cần thiết sẽ yêu cầu sau. Như vậy, tổng diện tích đất yêu cầu chia thừa kế là 16.464m^2 , trừ phần nghĩa vụ phải thực hiện cho bà Y là 3.835m^2 , còn lại 12.629m^2 chia cho 10 người thì mỗi người được thừa hưởng $1.262,9\text{m}^2$.

Bà Y, bà P, bà T, bà H được chia thừa kế là $1.262,9\text{m}^2 \times 4 = 5.051,6\text{m}^2$, cộng phần diện tích giao cho bà Y để thực hiện nghĩa vụ là $5.051,6\text{m}^2 + 3.835\text{m}^2 = 8.886,6\text{m}^2$. Tổng diện tích các thửa 1199, 2558 là 9.102m^2 , trừ phần diện tích đất chia thừa kế cho bà Y, bà P, bà T, bà H và diện tích đất giao bà Y để thực hiện nghĩa vụ còn lại $9.102\text{m}^2 - 8.886,6\text{m}^2 = 215,4\text{m}^2$ giao cho bà D tiếp tục quản lý diện tích còn lại này và các thửa 1100, 1102 (tổng cộng diện tích $7.577,4\text{m}^2$ – là phần thừa kế của ông C, ông T, ông V, ông T, bà D và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Q) là phù hợp.

[8] Đối với việc ông C yêu cầu bà D phải trả lại phần đất trồng lúa diện tích 12.598m^2 do bà D đứng tên. Sau khi nhận được đơn yêu cầu của ông, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông C, đồng thời có biên bản giải thích cho ông C về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của ông, tuy nhiên quá thời hạn ông không nộp, vì vậy yêu cầu của ông không được xem xét.

[9] Đối với việc bà Y yêu cầu bà D trả tiền sử dụng đất, tại phiên tòa bà Y không yêu cầu nữa vì vậy đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà Y là phù hợp.

[10] Đối với thửa 98, thửa 349 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do hiện nay các nguyên đơn không có yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về chi phí đo đạc: Các nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc tương ứng với phần diện tích được nhận. Tổng chi phí đo đạc là $9.696.000\text{đ}$ bà Y đã nộp xong, đồng thời bà Y tự nguyện chịu chi phí đo đạc đối với phần diện tích còn lại chưa phân chia. Bà P, bà T, bà H mỗi người được thừa hưởng $1.262,9\text{m}^2$ nên mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Y tiền chi phí đo đạc là 743.000đ .

[12] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đối với tiền án phí thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, tại phiên tòa bà Y tự nguyện chịu nên buộc bà Y phải nộp theo quy định.

Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 615, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 6, Điều 9 và điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y đối với bà Nguyễn Thị Bích D.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Giao cho bà Y được quyền sử dụng phần đất diện tích 3.835m² thuộc một phần thửa 2558 và một phần thửa 1199, cùng tờ bản đồ số 4; đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí, diện tích cụ thể như sau:

- *Một phần thửa 2558, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.328,6m², được giới hạn bởi các mốc 9 – 4 – 5 – 6 – 22 – 27 – 14 – 13 – 12 – 11 – 10 – 9 trên sơ đồ đo đạc.*

+ Hướng Bắc: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 5 đến mốc 9), có cạnh là 50,26m.

Giáp thửa 1199 (Từ mốc 5 đến mốc 6), có cạnh là 34,71m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất lấn rọc ngọn (Từ mốc 11 đến mốc 14), có cạnh là 39,59m.

Giáp phần đất giao cho bà D quản lý (Từ mốc 22 đến mốc 27), có cạnh là 53,21m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T (Từ mốc 6 đến mốc 22), có cạnh là 20m.

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L, có cạnh là 56,41m (Từ mốc 9 đến mốc 10) và 7,77m (Từ mốc 10 đến mốc 11).

- *Một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, diện tích 506,4m², được giới hạn bởi các mốc 5 – 28 – 35 – 6 – 5 trên sơ đồ đo đạc.*

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại của thửa 1199 (Từ mốc 28 đến mốc 35), có cạnh là 35,86m.

+ Hướng Nam: Giáp thửa 2558 (Từ mốc 5 đến mốc 6), có cạnh là 34,71m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T (Từ mốc 6 đến mốc 35), có cạnh là 14,42m.

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 5 đến mốc 28), có cạnh là 14,34m.

(Có sơ đồ và biên bản đo đạc kèm theo).

3/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Bích T. Chia thừa kế cho bà Y, bà P, bà H, bà T mỗi người được 1.262,9m² đất thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí, diện tích đất cụ thể từng người thừa hưởng như sau:

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc Y: Một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.262,9m² được giới hạn bởi các mốc 28 – 29 – 34 – 35 – 28 trên sơ đồ đo đạc.*

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại của thửa 1199 (Từ mốc 29 đến mốc 34), có cạnh là 38,71m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất giao cho bà Y (Từ mốc 28 đến mốc 35), có cạnh là 35,86m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T có cạnh là 10,24m (Từ mốc 34 đến mốc 7) và 23,89m (Từ mốc 7 đến mốc 35).

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 28 đến mốc 29), có cạnh là 33,93m.

- *Bà Nguyễn Thị Bích P: Một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.262,9m² được giới hạn bởi các mốc 29 – 30 – 33 – 34 – 29 trên sơ đồ đo đạc.*

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại của thửa 1199 (Từ mốc 30 đến mốc 33), có cạnh là 41,36m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất giao cho bà Y (Từ mốc 29 đến mốc 34), có cạnh là 38,71m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T có cạnh là 31,71m (Từ mốc 33 đến mốc 34).

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 29 đến mốc 30), có cạnh là 31,53m.

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc H: Một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.262,9m² được giới hạn bởi các mốc 30 – 31 – 32 – 33 – 30 trên sơ đồ đo đạc.*

+ Hướng Bắc: Giáp phần còn lại của thửa 1199 (Từ mốc 31 đến mốc 32), có cạnh là 43,8m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất giao cho bà P (Từ mốc 30 đến mốc 33), có cạnh là 41,36m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T có cạnh là 29,83m (Từ mốc 32 đến mốc 33).

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 30 đến mốc 31), có cạnh là 29,67m.

- Bà Nguyễn Thị Bích T: Một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.262,9m² được giới hạn bởi các mốc 31 – 2 – 1 – 32 – 331 trên sơ đồ đo đạc.

+ Hướng Bắc: Giáp đường nước (Từ mốc 1 đến mốc 2), có cạnh là 61,35m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất giao cho bà H (Từ mốc 31 đến mốc 32), có cạnh là 43,8m.

+ Hướng Đông: Giáp đất bà Nguyễn Thị Kim T có cạnh là 47,36m (Từ mốc 1 đến mốc 32).

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Nguyễn Văn L (Từ mốc 31 đến mốc 2), có cạnh là 9,72m.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị Bích D và ông Lê Thanh P phải giao quyền sử dụng đất cho:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Y diện tích 4.800,9m² thuộc một phần thửa 2558 và một phần thửa 1199, cùng tờ bản đồ số 4.

- Bà Nguyễn Thị Bích P 1.262,9m² thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H 1.262,9m² thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4.

- Bà Nguyễn Thị Bích T 1.262,9m² thuộc một phần thửa 1199, tờ bản đồ số 4.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1199 có số AL 621958 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Bích D vào ngày 08/05/2008, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T được quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi quyền sử dụng đất số AL 621958 diện tích 5.292m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 5558m²) thuộc thửa 1199, tờ bản đồ số 4, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Bích D vào ngày 08/05/2008 để cấp quyền sử dụng đất lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T.

Bà Nguyễn Thị Bích D, bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5/ Giao cho bà Nguyễn Thị Bích D được tiếp tục quản lý phần đất diện tích 215,4m² thuộc một phần thửa 2558, tờ bản đồ số 4 được giới hạn bởi các mốc 14 – 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 23 – 22 – 27 – 14 và 7.362m² đất thuộc các thửa 1100, 1102 tờ bản đồ số 4 được giới hạn bởi các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 1 trên sơ đồ đo đạc (là di sản còn lại mà bà D, ông C, ông V, ông T, ông T và những người thừa kế của ông Q chưa phân chia); đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có sơ đồ và biên bản đo đạc kèm theo).

6/ Bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y tiền chi phí đo đạc là 743.000đ (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

7/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T mỗi người phải nộp 2.336.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 1.200.000đ theo các biên lai số 09035 (Bà P), 09034 (Bà H), 09033 (Bà T) quyển 181, ngày 14/11/2016. Bà P, bà H, bà T mỗi người còn phải nộp tiếp số tiền là 1.136.000đ (Một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Y được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được thừa hưởng (Do là người cao tuổi).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải nộp 7.095.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc Y đã nộp theo các biên lai nộp tiền số 008108 ngày 09/8/2010, 12886 ngày 26/11/2013, 007700 ngày 16/5/2014 số tiền 2.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Bà Y còn phải nộp tiếp số tiền là 4.595.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang